

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY THAN DƯƠNG HUY-TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2118 /VDHC
V/v mời khảo sát và chào giá

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Kính gửi : Các nhà cung cấp quan tâm

Hiện nay Công ty than Dương Huy – TKV có nhu cầu khảo sát và chào giá dịch vụ tư vấn : Lập giải pháp duy trì công suất mỏ giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035 – Công ty Than Dương Huy – TKV , với nội dung như sau:

1. Nội dung hồ sơ chào giá

- Lập dự toán chi tiết theo nội dung đính kèm.
- Bản báo giá do đại diện hợp pháp nhà cung cấp ký tên và đóng dấu.

(Trường hợp ký thay phải kèm theo giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

- Nhà cung cấp có thể khảo sát thực tế tại Công ty than Dương Huy – TKV nhằm đảm bảo chào giá dịch vụ phù hợp, chi tiết cụ thể cho từng nội dung công việc.

Kính mời Quý đơn vị quan tâm báo giá việc thực hiện dịch vụ trên và báo giá cho chúng tôi trước 15 h00 phút ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Báo giá của Quý đơn vị xin gửi về: Phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí Công ty than Dương Huy – TKV; Địa chỉ : Tổ 5, Khu phố Trần Hưng Đạo, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh (Điện thoại : 02033. 862.238) .

(Đối với các đơn vị chào giá gửi báo giá bản gốc cho bên mời chào giá qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ trên)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận : M/

- Văn phòng TKV;
- Lưu KH, VT.

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Văn

NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 2118 / VDHC ngày 15 tháng 9 năm 2025)

TT	Nội dung công việc	Số công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	CHI PHÍ CHUYÊN GIA			
	TẬP I- THUYẾT MINH			
	Nêu lý do và sự cần thiết phải thực hiện Giải pháp duy trì công suất mỏ giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
I	KHÁI QUÁT CHUNG			
II	TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU THEO CÁC THIẾT KẾ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT			
1	Tóm tắt một số nội dung chủ yếu như mở vía, chuẩn bị, trữ lượng, các mạng phụ trợ (vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện), thời gian khai thác			
2	Tóm tắt một số nội dung chủ yếu như mở vía, chuẩn bị, trữ lượng, các mạng phụ trợ (vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện), thời gian khai thác			
III	HIỆN TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC ĐƯỢC DUYỆT			
1	Cập nhật trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, trữ lượng công nghiệp còn lại tính đến 30/6/2025			
2	Cập nhật hiện trạng đào lò khai thông đến 30/6/2025, so sánh với kế hoạch thực hiện theo PAKT được duyệt, đánh giá các thuận lợi, khó khăn làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
3	Cập nhật hiện trạng đào lò chuẩn bị đến 30/6/2025, so sánh với kế hoạch thực hiện theo PAKT được duyệt, đánh giá các thuận lợi, khó khăn làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
4	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về việc áp dụng các hệ thống khai thác làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
5	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về việc			

TT	Nội dung công việc	Số công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	áp dụng các Công nghệ đào lò làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
6	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về việc áp dụng các Công nghệ Vận tải làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
7	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về Cung cấp điện làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
8	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về Thông tin liên lạc và tự động hoá làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
9	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về Thông gió mỏ làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
10	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về Thoát nước làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
11	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về Cung cấp nước làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
12	Đánh giá các thuận lợi, khó khăn về Cung cấp khí nén làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			
IV	ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ DUY TRÌ CÔNG SUẤT THIẾT KẾ TRONG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026-2035			
1	Tính toán trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, trữ lượng công nghiệp huy động khai thác trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035 trên nền tài liệu địa chất cập nhật đào lò, khai thác, khoan thăm dò bổ sung (tỷ lệ 1/1000) để làm căn cứ lập kế hoạch khai thác cho giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035			

90
NHÀ
' ĐC
THIẾ
AN V
TY
HUY
- T.C



TT	Nội dung công việc	Số công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đào lò khai thông, lập lịch đào lò khai thông từng năm, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua			
3	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đào lò chuẩn bị, lập lịch đào lò chuẩn bị từng năm, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua			
4	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác, lập lịch khai thác từng năm, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ			
5	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đào lò, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ			
6	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả vận tải, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ			
7	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả Cung cấp điện, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ			
8	Đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ, nâng cao hiệu quả và an toàn trong khai thác			
9	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thông gió, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ			
10	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thoát nước, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mỏ			

- QU
 NH
 AN
 P T
 HET
 HAN
 - TRU
 QUAY

84

TT	Nội dung công việc	Số công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
11	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả cấp nước, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mở			
12	Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp khí nén, đề xuất các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, đề xuất đầu tư thiết bị duy trì bổ sung theo từng năm để phục vụ duy trì công suất mở			
13	Từ các giải pháp đề xuất theo từng phần nêu trên, thiết kế sẽ tổng hợp và Đề xuất danh mục thiết bị đầu tư phục vụ sản xuất của từng năm trong giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035 (thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện)			
14	Kết luận và kiến nghị			
	TẬP II. BẢN VẼ THIẾT KẾ			
I	Phần địa chất			
1	Các bản vẽ bình đồ tính trữ lượng các vỉa than có cập nhật hiện trạng đào lò, khai thác, khoan thăm dò bổ sung đến 30/6/2025			
2	Bình đồ mức -100, -250, Các mặt cắt địa chất đặc trưng có cập nhật hiện trạng đào lò, khai thác, khoan thăm dò bổ sung đến 30/6/2025			
II	Phần khai thác			
1	Các bản vẽ khai thông khai trường: Sơ đồ đường lò khai thông mức -100, -250 (cập nhật hiện trạng đào lò đến 30/6/2025 và lập kế hoạch khai thác giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035), thực hiện trên bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/2000			
2	Các bản vẽ chuẩn bị khai trường: Sơ đồ đường lò chuẩn bị các vỉa 3 đến vỉa 14 (cập nhật hiện trạng đào lò, khai thác đến 30/6/2025 và lập kế hoạch đào lò, khai thác từng năm giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035), thực hiện trên bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/2000			
3	Sơ đồ thông gió các năm 2026-2035 (lập sơ đồ thông gió theo từng năm giai đoạn			

TT	Nội dung công việc	Số công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035)			
4	Lập sơ đồ tổng hợp các đường lò duy trì công suất mở giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035 (bố trí kế hoạch đào lò, khai thác từng năm). Trong bản đồ sẽ thể hiện toàn bộ các đường lò sẽ đào, toàn bộ các lò chợ sẽ khai thác theo từng Quý trong năm kế hoạch			
5	Lịch đào lò tổng hợp giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035 (thống kê toàn bộ các đường lò khai thông, chuẩn bị duy trì sản xuất theo từng Quý trong năm kế hoạch)			
6	Lịch khai thác giai đoạn 2026÷2030 và giai đoạn 2031÷2035 (thống kê toàn bộ các lò chợ thể hiện trữ lượng huy động, trữ lượng công nghiệp, trữ lượng công nghiệp nguyên khai, độ tro than khai thác theo từng Quý trong năm kế hoạch)			
III	Phần mạng phụ trợ			
1	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mở năm 2026			
2	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mở năm 2027			
3	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mở năm 2028			
4	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mở năm 2029			
5	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mở			

TT	Nội dung công việc	Số công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	năm 2030			
6	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mỏ năm 2031			
7	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mỏ năm 2032			
8	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mỏ năm 2033			
9	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mỏ năm 2034			
10	Bản đồ bố trí thiết bị khai thác, đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cung cấp điện (theo từng vỉa than khai thác và trên sơ đồ tổng hợp đường lò duy trì công suất mỏ năm 2035			
B	Chi phí khác			
D	Tổng cộng giá trị trước thuế (A+ B)			
E	Thuế GTGT			
Tổng giá trị sau thuế (D+ E)				